

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1210** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Phương
2. Ông Đào Quốc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30-10-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đậu Nguyễn Phương T, sinh năm 1985; Địa chỉ: 42/60/18 H, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1991; Địa chỉ: 42/60/18 H, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24-4-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Đậu Nguyễn Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Diễm M tự nguyện chung sống năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 1/2013 ngày 20-8-2013. Vợ chồng chung sống được một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2014 cho đến nay. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà M để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Ông và bà M không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung : Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do bà M vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay :

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ và nghe đương sự trình bày thể hiện: Ông T và bà M chung sống năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà M phát sinh mâu thuẫn. Nay ông T yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung, tài sản chung, nợ chung : Không có. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thuấn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 1/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20-8-2013 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà M có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông T yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà M theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà M vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà M không có mặt tại toà án để trình bày lời khai, không tham dự các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó, toà án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Theo kết quả xác minh tại địa phương thì giữa ông T và bà M không còn ở chung, trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích của hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa ông T và bà M đã có mâu thuẫn. Mặt khác, Toà án đã nhiều lần tổng đạt Giấy triệu tập đương sự, Thông báo hòa giải cho bà M tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay để tạo điều kiện hàn gắn nhưng bà M đều vắng mặt, điều đó thể hiện bà M hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung*: Ghi nhận lời khai của ông T xác nhận vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận lời khai của ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0011041 ngày 08-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đậu Nguyễn Phương T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đậu Nguyễn Phương T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm M.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Đậu Nguyễn Phương T và bà Nguyễn Thị Diễm M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 1/2013 ngày 20-8-2013 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T và bà M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ghi nhận lời khai của ông T xác nhận không có.
- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận lời khai của ông T xác nhận không có.

2. Về án phí: Ông Đậu Nguyễn Phương T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011041 ngày 08-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Đậu Nguyễn Phương T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Diễm M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND Phường T, quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai